TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 – VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc \

Bản án số: 97/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 01 – 4 – 2026
V/v "*Tranh chấp ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Lanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trung Du.
2. Bà Đặng Thị Lệ .

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trương Tuyết Vân - Là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Vĩnh Long không tham gia phiên tòa.

Ngày 01 tháng 4 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 92/2026/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2026, về tranh chấp *"ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2026/QĐXX-ST ngày 18 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyen Hue T (Nguyễn Trí H) sinh ngày 01/01/1955 (vắng có đơn).

Địa chỉ: H M – 3816.

- Bị đơn: Bà Bùi Thị Tường V, sinh ngày 19/7/1977 (vắng có đơn).

Địa chỉ: ấp P, xã T, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 09/02/2026 và những lời trình bày khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn ông Nguyen Hue T (Nguyễn Trí H) trình bày*:

- *Về mối quan hệ hôn nhân*: Ông và bà V hôn nhân hình thành là mai mối có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn vào năm 2017 tại Ủy ban nhân dân huyện V (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long). Sau khi cưới ông về Hoa Kỳ sinh sống, bà V thì ở Việt Nam. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát

sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng mỗi người sống một nơi nên tình cảm phai nhạt. Ông bà đã ly thân từ cuối năm 2023 cho đến nay. Nay nhận thấy không còn tình cảm nên ông yêu cầu được ly hôn với bà V.

- *Về con chung*: Ông bà không có con chung không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung; nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bảng khai ý kiến ngày 17/3/2026 bị đơn bà Bùi Thị Tường V trình bày:*

- *Về mối quan hệ hôn nhân*: Bà thống nhất theo lời trình bày của ông Nguyen Hue T. Bà và ông T đã ly thân từ năm 2023 đến nay tình cảm không còn nên ông T yêu cầu ly hôn bà đồng ý.

- *Về con chung*: Bà và ông T không có con chung không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng:

[1.1] Ông Nguyen Hue T (Nguyễn Trí H) có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 4 – Vĩnh Long giải quyết việc hôn nhân và gia đình giữa ông và bà V, bà V có nơi cư trú tại ấp P, xã T, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Vĩnh Long. Quá trình thụ lý vụ án, các tài liệu chứng cứ do đương sự tự giao nộp, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ, các bên đương sự là người đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất tâm thần. Căn cứ vào khoản 2, Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự; vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phải tham gia phiên tòa.

[1.2] Xét thấy, nguyên đơn ông T, bị đơn bà V có đơn xin xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 228; điểm a, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Hội đồng xét thấy, giữa ông T và bà V có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa ông bà có nhiều mâu thuẫn như: Vợ chồng thường hay cự cãi vì bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nên tình cảm dần phai nhạt. Ông bà đã ly thân từ năm 2023 cho đến nay thời gian ly thân đã khá lâu, ông T và bà V đều thống nhất không còn tình cảm với nhau và thuận tình ly hôn nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn của ông T, bà V phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: Ông T, bà V thống nhất xác định ông bà không có con chung không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Ông T, bà V không yêu cầu giải quyết. Hội đồng đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Ông T, bà V không yêu cầu giải quyết. Hội đồng đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình: Ông T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

* *Vì các lẽ trên;*

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 9, Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyen Hue T (Nguyễn Trí H).

- *Về hôn nhân*: Ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa ông Nguyen Hue T (Nguyễn Trí H) và bà Bùi Thị Tường V.

- *Về con chung*: Ông Nguyen Hue T (Nguyễn Trí H) và bà Bùi Thị Tường V thống nhất xác định ông bà không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung*: Ông Nguyen Hue T (Nguyễn Trí H) và bà Bùi Thị Tường V không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng đồng xét xử không xem xét.

- *Về nợ chung phải thu, phải trả*: Ông Nguyen Hue T (Nguyễn Trí H) và bà Bùi Thị Tường V không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng đồng xét xử không xem xét.

- *Về án phí*: Ông Nguyen Hue T (Nguyễn Trí H) và bà Bùi Thị Tường V không phải nộp án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Lanh

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 4 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 4 – Vĩnh Long;
- UBND xã Trung Thành, Trung Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.